

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – H phúc**

Bản án số: 49/2017/DS-ST

Ngày: 25-7-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trường Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Công Chiến.

2. Ông Trần Hữu Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2017 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80a/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị B, sinh năm 1942.

Địa chỉ: Tổ B, khu phố S, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Dương Thị B: Bà Lê Thị Mỹ H là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ M, khu phố S, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Văn X, sinh năm 1936.

Địa chỉ: Ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2016, bản tự khai, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ H trình bày:

Vào ngày 02/11/2010 (nhằm ngày 26/9/2010 âm lịch), bà Dương Thị B cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền là 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng; đến ngày 09/11/2010 (nhằm ngày 04/10/2010 âm lịch), ông T vay tiếp số tiền là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng; thỏa thuận thời hạn vay là khi nào bà B cần lấy lại tiền thì báo trước cho ông T một tháng; ông T có viết hai biên nhận vay tiền. Bà B nhiều lần yêu cầu ông T trả nợ vay nhưng ông T không trả. Nay bà Dương Thị B yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền vay là 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/11/2010 cho đến nay theo lãi suất Ngân hàng với lãi suất là 4,3%/năm, số tiền là 18.167.500 (mười tám triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm) đồng, tổng cộng là 83.167.500 (tám mươi ba triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T thừa nhận có vay hai lần của bà Dương Thị B số tiền là 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng, lãi suất là 6%/tháng, ông đóng tiền lãi hàng tháng cho bà B đầy đủ nhưng không nhớ bao nhiêu. Nay bà Dương Thị B yêu cầu ông trả số tiền vay là 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng thì ông đồng ý nhưng ông không đồng ý trả tiền lãi đối với số tiền trên vì ông đã trả tiền lãi cho bà B đến cuối năm 2015 và ông xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng, khi nào ông có điều kiện thì ông sẽ trả hết số tiền trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/4/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn X trình bày:

Ông Bùi Văn X có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên người sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T vay cho ông số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng, ông sẽ trả số tiền trên cho ông T và ông T phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Việc ông T vay tiền của bà Dương Thị B số tiền là 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng thì ông không biết và không liên quan. Do đã lớn tuổi và sự việc không liên quan đến ông nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B, buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả số tiền gốc là 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng và lãi suất tính từ ngày 02/11/2010 đến nay theo lãi suất Ngân hàng là 4,3%/năm, tiền lãi là 18.167.500 (mười tám triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm) đồng. Ghi nhận bà Dương Thị B đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Dương Thị B khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn T. Hiện nay, ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; cư trú tại: Tổ M, khu phố S, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2016, bà Dương Thị B yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền vay là 65.000.000 (*sáu mươi lăm triệu*) đồng theo hai biên nhận do ông T lập và ký tên; yêu cầu của bà Dương Thị B là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Về nội dung tranh chấp: Vào ngày 02/11/2010 (nhằm ngày 26/9/2010 âm lịch), bà Dương Thị B cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền là 35.000.000 (*ba mươi lăm triệu*) đồng; đến ngày 09/11/2010 (nhằm ngày 04/10/2010 âm lịch), bà B cho ông T vay tiếp số tiền là 30.000.000 (*ba mươi triệu*) đồng; ông T thừa nhận có lập hai biên nhận vay tiền, chữ viết và chữ ký là của ông T; việc lập hợp đồng vay tài sản giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà Dương Thị B và ông Nguyễn Văn T là có thật.

[4] Xét yêu cầu của bà Dương Thị B đối với ông Nguyễn Văn T trả số tiền vay là 65.000.000 (*sáu mươi lăm triệu*) đồng, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà B là hai biên nhận có nội dung ông T vay của bà B số tiền là 65.000.000 (*sáu mươi lăm triệu*) đồng. Tại phiên tòa, các bên đương sự đều thừa nhận vào ngày 02/11/2010 và 09/11/2010, bà B cho ông T vay tổng số tiền là 65.000.000 (*sáu mươi lăm triệu*) đồng. Ông T đồng ý trả số tiền trên cho bà B và xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 (*hai triệu*) đồng cho đến khi trả hết nợ nhưng bà B không đồng ý cho ông T trả dần. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy không có cơ sở xem xét yêu cầu của ông T là trả dần số tiền trên nên buộc ông T có trách nhiệm trả cho bà B số tiền vay là 65.000.000 (*sáu mươi lăm triệu*) đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5] Xét yêu cầu của bà Dương Thị B về tiền lãi đối với số tiền vay là 65.000.000 (*sáu mươi lăm triệu*) đồng với lãi suất 4,3%/năm tương đương là 0,36%/tháng, tính từ ngày 02/11/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 18.167.500 (*mười tám triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm*) đồng. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T không đồng ý trả tiền lãi đối với số tiền vay 65.000.000 (*sáu mươi lăm triệu*) đồng và ông T cho rằng ông đã trả số tiền lãi nhiều lần cho bà B nhưng ông không có giấy tờ gì chứng minh cho lời trình bày của mình và bà B không thừa nhận ông T có trả tiền lãi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì “Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán”. Lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố hiện nay là 9%/năm tương đương là 0,75%/tháng. Bà Dương Thị B yêu cầu tính lãi suất là

0,36%/tháng nên ghi nhận. Do đó, yêu cầu tiền lãi của bà B là: $(35.000.000 \text{ đồng} \times 0,36\%/\text{tháng} \times 80 \text{ tháng} + 23 \text{ ngày} \times 0,36\%/\text{tháng} \times 80 \text{ tháng} + 14 \text{ ngày} \times 0,36\%/\text{tháng} \times 80 \text{ tháng}) = 10.176.000 \text{ đồng}$ và $30.000.000 \text{ đồng} \times 0,36\%/\text{tháng} \times 80 \text{ tháng} + 14 \text{ ngày} \times 0,36\%/\text{tháng} \times 80 \text{ tháng} = 10.138.000 \text{ đồng}$ = 20.314.000 (hai mươi triệu ba trăm mười bốn nghìn) đồng nhưng bà B yêu cầu tiền lãi là 18.167.500 (mười tám triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm) đồng nên ghi nhận và phù hợp theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[6] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B đối với ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu trả số tiền là 83.167.500 (tám mươi ba triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm) đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi là 18.167.500 (mười tám triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

[7] Tại phiên tòa, bà Dương Thị B đồng ý trả cho ông Bùi Văn X Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH01035 ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre nên ghi nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Văn T phải chịu là $83.167.500 \text{ đồng} \times 5\% = 4.158.000 \text{ đồng}$ (bốn triệu một trăm năm mươi tám nghìn) đồng.

[9] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B đối với ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu trả số tiền là 83.167.500 (tám mươi ba triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

- Ghi nhận bà Dương Thị B đồng ý trả cho ông Bùi Văn X Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH01035 ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474, 476, 477 và 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B đối với ông Nguyễn Văn T.

Buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho bà Dương Thị B số tiền là 83.167.500 (tám mươi ba triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm) đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi là 18.167.500 (mười tám triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ghi nhận bà Dương Thị B đồng ý trả cho ông Bùi Văn X Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH01035 ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Nguyễn Văn T phải nộp là 4.158.000 đồng (*bốn triệu một trăm năm mươi tám nghìn*) đồng.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Dương Thị B số tiền là 1.625.000 (*một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0000475 ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND TP. B, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. B, T. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Kim Trường Sơn